

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2020/QĐST-HNGĐ

Tam Nông, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019.
 - **Nguyên đơn:** Ông Tạ Văn Ch - sinh năm 1964
Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
 - **Bi đơn:** Bà Đoàn Thị T - sinh năm 1962
Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
 - **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** anh Tạ Tiến Đ - sinh năm 1995
Địa chỉ: Khu 4, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Căn cứ vào điều 212; điều 213; khoản 3, 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí 2015;
- Căn cứ vào điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH - 14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/5/2020 hoàn toàn là tự nguyện; không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
- Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Tạ Văn C và bà Đoàn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Ông C, bà T xác nhận vợ chồng có hai con chung là Tạ Tiến Đ - sinh ngày 01/10/1995 và Tạ Tiến Đ - sinh ngày 17/12/2000. Cháu Đ, cháu Đ đã trưởng thành lao động tự túc được nên ông C, bà T không yêu cầu tòa án giải quyết.
- **Về tài sản chung:** Ông Tạ Văn C và bà Đoàn Thị T, anh Tạ Tiến Đ thống nhất thỏa thuận chia tài sản như sau:

* Giao cho ông Tạ Văn C được sở hữu và sử dụng khối tài sản gồm: Diện tích đất 397,2m² (Trong đó có 150 m² đất ở, 247,2m² đất trồng cây lâu năm khác), thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15, được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 532784 ngày 21/7/2010. Địa chỉ: Khu 4 (trước là khu 6), xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Theo Bản vẽ trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất ngày 12/5/2020, có ký hiệu S2(có Bản vẽ trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất ngày 12/5/2020 kèm theo). Trị giá tài sản là 79.791.840đ (Bảy mươi chín triệu bảy trăm chín một nghìn tám trăm bốn

mười đồng). Theo biên bản định giá tài sản ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện T.

* Giao cho bà Đoàn Thị T được sở hữu và sử dụng khối tài sản gồm: Diện tích đất 1.659,7m² (Trong đó có 250 m² đất ở, 1.409,7m² đất trồng cây lâu năm khác), thửa đất số 105, tờ bản đồ số 15, được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 532784 ngày 21/7/2010. Địa chỉ: Khu 4 (trước là khu 6), xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Theo Bản vẽ trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất ngày 12/5/2020, có ký hiệu S1(có Bản vẽ trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất ngày 12/5/2020 kèm theo). Trên đất có 01 nhà cấp bốn (gồm cả 01 gian nhà xây thêm nối liền nhà cấp bốn), 01 nhà bếp. Tổng trị giá tài sản là 283.216.840đ (Hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn tám trăm bốn mươi đồng). Theo biên bản định giá tài sản ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện T.

Bà Đoàn Thị T không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Tạ Văn C và anh Tạ Tiến Đ.

(Ông Tạ Văn C, bà Đoàn Thị T, anh Tạ Tiến Đ xác nhận trên diện tích đất còn có một số tài sản như hệ thống Biogas, công trình phụ và một số cây cối lâm lộc trên đất nhưng các bên đã tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết).

- **Về nợ chung:** Không có
- **Về tài sản riêng, đất nông nghiệp:** Không có.
- **Về công sức:** Ông C, bà T không yêu cầu.
- **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Ông Tạ Văn C tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- **Về án phí chia tài sản:** Ông Tạ Văn C phải chịu 1.994.796đ (Một triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín sáu đồng).

Xác nhận ông C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002530 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ nay chuyển thành án phí. Ông C còn phải nộp thêm 1.844.796đ (Một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm chín sáu đồng).

- Bà Đoàn Thị T phải chịu 7.080.421đ (Bảy triệu không trăm tám mươi nghìn bốn trăm hai một đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Tề Lễ.
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền

